

PHỤ BIỂU 01: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026



(Kèm theo Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2026	GHI CHÚ
	Tổng cộng	20.543.600	
A	Ngân sách TW	-	
B	Ngân sách tỉnh	17.678.027	
1	Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương để chuyển về Trung ương bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng	1.050.000	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	
3	Các dự án hoàn thành trước năm 2026	339.235	<i>Phụ biểu 02</i>
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>59.195</i>	
4	Các dự án, công trình chuyển tiếp	10.438.792	<i>Phụ biểu 03</i>
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>347.120</i>	
5	Vốn chuẩn bị đầu tư, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch	-	
6	Cấp vốn điều lệ năm 2026 cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh	50.000	
7	Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	660.000	
8	Hỗ trợ các địa phương theo tiêu chí chấm điểm	4.000.000	<i>Phụ biểu 04</i>
9	Các dự án khởi công mới	1.140.000	<i>Phụ biểu 05</i>
D	Ngân sách xã, phường, đặc khu (xã)	2.865.573	
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>716.000</i>	

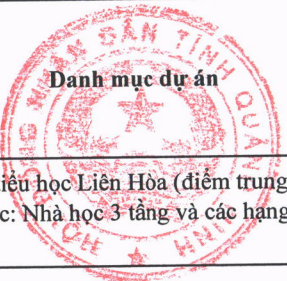
PHỤ BIỂU 02: PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH

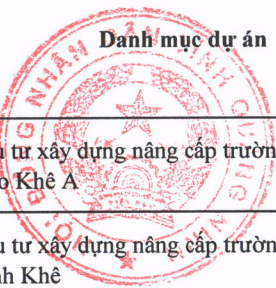
(Kèm theo nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

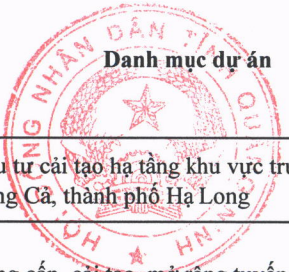
ĐVT: Triệu đồng./.

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
	TỔNG					11.616.164	11.575.691	8.678.321	339.235	
A	Dự án hoàn thành đã quyết toán					809.969	809.969	419.905	24.660	
1	Đầu tư xây dựng Hạ tầng khu tái định cư xã Hạ Long thuộc Khu kinh tế Vân Đồn	B	2020-2022	UBND đặc khu Vân Đồn	2255; 396 ; 2341; 2220; 2930 ngày 22/7/2009; 7/12/2009; 27/7/2016; 2/7/2020; 30/8/2021	521.575	521.575	205.395	1.139	
2	Hạ tầng điểm lẻ xen cư khu vực điểm trường tiểu học Đá Trắng, thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long (giai đoạn II)	B	2021 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	15325/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	31.140	31.140	680	195	
3	Sửa chữa nâng cấp cụm hồ Trại Lốc 1 và 2, xã An Sinh, huyện Đông Triều (giai đoạn I)	C	2013-2016	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	1048/QĐ-UBND ngày 23/5/2014	20.817	20.817	20.786	31	
4	Nâng cấp hồ chứa nước Cành Chẽ và hai trạm bơm tưới xã Hoàng Tân, huyện Yên Hưng	C	2011-2013	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	1964/QĐ-UBND ngày 21/6/2011	14.522	14.522	14.336	186	
5	Khắc phục sự cố công trình hồ chứa nước Đầm Hà Động, huyện Đầm Hà	C	2015	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	602/QĐ-UBND ngày 04/3/2015	51.656	51.656	51.369	287	
6	Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Đông Đồ, xã Bình Khê, huyện Đông Triều	C	2014-2015	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2990/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	13.313	13.313	13.296	17	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
7	Hạ tầng khu dân cư bắc đại lộ Hòa Bình	B	2019-2022	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3646/QĐ-UBND ngày 01/8/2018	156.946	156.946	114.043	22.805	
B	Dự án hoàn thành chưa quyết toán					10.806.195	10.765.722	8.258.416	314.575	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					798.844	798.844	621.906	59.195	
1	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học và THCS Hà Trung (cơ sở 2) thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3783/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.612	4.612	3.602	180	
2	Đầu tư hệ thống phòng cháy và chữa cháy trường Tiểu học Hà Lâm, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3803/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.224	4.224	3.540	100	
3	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trường Tiểu học Cao Thắng, phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3796/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	3.666	3.666	3.500	100	
4	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học và THCS Hà Trung (cơ sở 1) thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3782/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.455	4.455	3.647	200	
5	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy và chữa cháy trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3797/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.351	4.351	4.000	100	
6	Trường Mầm Non thị trấn Trới, huyện Hoành Bồ - giai đoạn II đạt chuẩn quốc gia theo hình thức "Đầu tư tư, sử dụng công"	C	Trả tiền hàng năm (dự án PPP)	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	2617/QĐ-UBND ngày 04/7/2016	33.482	33.482	25.211	3.120	
7	Trường Mầm non xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ đạt chuẩn quốc gia theo hình thức "Đầu tư tư, sử dụng công"	C	Trả tiền hàng năm (dự án PPP)	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	569/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	35.506	35.506	28.296	3.482	
8	Trường tiểu học Quảng La, huyện Hoành Bồ đạt chuẩn quốc gia theo hình thức "Đầu tư tư, sử dụng công"	C	Trả tiền hàng năm (dự án PPP)	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	2617/QĐ-UBND ngày 04/7/2016	37.608	37.608	32.945	4.663	

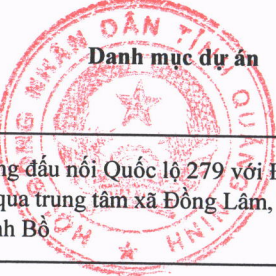
TT		Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
9	Trường tiểu học Liên Hòa (điểm trung tâm), hạng mục: Nhà học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1892/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND thị xã Quảng Yên	25.107	25.107	20.500	2.500	
10	Xây mới Trường trung học cơ sở Trọng Điểm tại khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	B	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3815/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	159.612	159.612	119.791	4.000	
11	Trường Trung học phổ thông Bạch Đằng mới tại phường Cộng Hòa và xã Tiên An, thị xã Quảng Yên	B	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	316/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; 11492/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; 13758/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	232.608	232.608	169.836	20.000	
12	Lắp đặt hệ thống PCCC tại các trường mầm non Hiệp Hòa, mầm non Sông Khoai, mầm non Minh Thành (khu vực Hà Bắc)	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	6989/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND thị xã Quảng Yên	7.775	7.775	5.399	1.000	
13	Lắp đặt hệ thống PCCC tại các trường mầm non Liên Hòa, mầm non Yên Hải, mầm non Phong Cốc, mầm non Liên Vị (khu vực Hà Nam)	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	QĐ 6988/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND thị xã Quảng Yên	13.972	13.972	10.186	2.000	
14	Trường THCS Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND thị xã Quảng Yên	14.134	14.134	11.801	100	
15	Trường mầm non Phương Nam, phường Phương Nam (Điểm trường chính), thành phố Uông Bí	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7219 ngày 12/12/2023	14.600	14.600	7.807	550	
16	Xây dựng mới trường THCS Hồng Thái Đông, tại xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	B	2023-2025	UBND phường Hoàng Quế	629/QĐ-UBND ngày 19/04/2024	94.000	94.000	75.333	13.000	
17	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học, THCS Yên Đức, tại xã Yên Đức, thị xã Đông Triều	B	2023-2025	UBND phường Hoàng Quế	3632/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	46.775	46.775	38.258	2.300	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
18	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường tiểu học Mạo Khê A	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	3187/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	8.404	8.404	7.725	260	
19	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường tiểu học Vĩnh Khê	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	3325/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	11.993	11.993	11.336	400	
20	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Yên Đức	C	2024-2026	UBND phường Hoàng Quế	3327/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	6.991	6.991	6.502	100	
21	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường THCS Xuân Sơn	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	3328/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	9.838	9.838	9.190	400	
22	BSCSVC cho trường tiểu học xã Đầm Hà	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	4987/QĐ-UBND 31/12/2023	7.600	7.600	7.200	200	
23	Nâng cấp, sửa chữa BSCSVC cho trường THCS Tân Bình	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	4988/QĐ-UBND 31/12/2023	10.050	10.050	9.341	300	
24	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường THCS Thủy An	C	2024-2026	UBND phường Đông Triều	3267/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	7.481	7.481	6.960	140	
II	Lĩnh vực khác					10.007.351	9.966.878	7.636.510	255.380	
25	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phía Bắc ga Hạ Long phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	C	2006-2009	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3316/QĐ-UBND Tỉnh ngày 26/10/2006	38.095	38.095	10.296	100	
26	Cải tạo, xây mới Trung tâm y tế thị xã Đông Triều	B	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1138/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	390.000	390.000	330.750	5.000	
27	Đầu tư xây dựng trụ sở Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh	B	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3541/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	764.110	764.110	657.400	15.000	
28	Ô chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh trên địa bàn thành phố Hạ Long tại xã Hòa Bình	C	2021-2023	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	10305/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	27.075	27.075	20.340	1.300	Gia hạn thời gian bố trí vốn

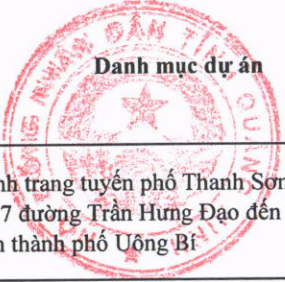
TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
29	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3989/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	15.000	15.000	12.115	600	
30	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường liên xã, đoạn đường từ Mỏ Đông, xã Sơn Dương đến trung tâm xã Đồng Sơn, thành phố Hạ Long	B	2021 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	11712/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	374.929	374.929	324.019	100	
31	Cải tạo hạ tầng, khắc phục ngập lụt tại thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất	C	2021 - 2024	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	5595/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	58.271	58.271	34.169	1.000	
32	Xây dựng vỉa hè dành cho người đi bộ từ ngã 3 Hải Quân, công Công ty xăng dầu B12 và trục đường Đặng Bá Hát lên cầu Bãi Cháy	C	2019 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	9171/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 3218/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	180.470	180.470	94.755	8.500	Gia hạn thời gian bố trí vốn
33	Cải tạo, chỉnh trang Quốc lộ 279 (đoạn ngã tư Ao Cá đến ngã ba đường mới rẽ vào Hoành Bồ)	B	2019-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7038/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 11035/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	323.378	323.378	231.799	100	
34	Cải tạo, chỉnh trang đường Giếng Đáy (đoạn từ bưu điện Kênh Đồng đến ngã ba rẽ vào nhà máy đóng tàu Ba Lan)	C	2019 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7047/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	83.498	83.498	58.416	2.000	
35	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	B	2022 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	11711/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	812.719	812.719	527.168	10.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
36	Đường và công thoát nước giáp ranh khu đô thị Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	B	2020 - 2024	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	341/QĐ-UBND ngày 20/1/2022	79.756	79.756	4.129	50	
37	Đầu tư hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xóm Làng, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	5017/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	27.269	27.269	21.465	200	
38	Tuyến đường kết nối từ điểm đầu cầu Cửa Lục 1 đến ngã ba Kênh Đồng, phường Giếng Đáy	B	2021-2024	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	15362/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	408.040	408.040	390.304	500	
39	Tuyến đường Dọc Mương, bên trái tuyến từ cầu K67 phường Hà Khánh qua cầu Nước mặn đến đường 336 phường Hà Lâm	B	2022 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	11710/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	360.285	360.285	345.796	15.000	
40	Tuyến đường An Tiêm qua khu công nghiệp Việt Hưng đến ngã tư Vạn Yên, thành phố Hạ Long	B	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3100/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	236.400	236.400	134.547	5.000	
41	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3971/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	6.047	6.047	5.986	50	
42	Quảng trường, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật kết nối khu văn hoá Núi Bài Thơ, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long	B	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3250/QĐ-UBND ngày 3/11/2023; 12655/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	211.957	211.957	190.799	5.000	
43	Hạ tầng kỹ thuật tái định cư khu dân cư đô thị tại quỹ đất liền kề với khu đô thị tại các phường Cao Thắng, Hà Khánh và Hà Lâm	B	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	648/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	62.900	62.900	58.330	2.000	
44	Bảo quản, tu bổ đối với di tích Ao cá Bác Hồ thuộc di tích lịch sử Khu lưu niệm Bác Hồ trên đảo Tuần Châu, thành phố Hạ Long	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1877/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	31.085	31.085	20.150	2.000	
45	Hạ tầng kỹ thuật di dời tái định cư tại thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	C	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1342/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	1.200	1.200	265	450	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
46	Hạ tầng kỹ thuật tái định cư tại khu 2, phường Hoà Bình	C	2023 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	11718/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	58.094	58.094	18.533	5.000	
47	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại các xã Sơn Dương, Đông Lâm, Vũ Oai, Hoà Bình, thành phố Hạ Long	B	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3794/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	82.566	82.566	51.300	5.000	
48	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Đông Lâm, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3988/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	14.200	14.200	7.660	1.000	
49	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Hoà Bình, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4044/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	14.403	14.403	11.400	400	
50	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Đồng Sơn, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4185/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	20.199	20.199	8.480	2.000	
51	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4196/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	24.300	24.300	19.950	1.500	
52	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Dân Chủ, thành phố Hạ Long	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4193/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	21.400	21.400	8.900	8.000	
53	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường khu vực cột 3, cột 5, cột 8, phường Hồng Hải, Hồng Hà, thành phố Hạ Long - Giai đoạn 3	B	2024 - 2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7801/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	162.434	162.434	132.426	5.000	
54	HTKT khu tái định cư, khu dân cư tự xây thuộc khu đa giác 4 khu đô thị dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng	C	2019 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	9114/QĐ-UBND ngày 29/10/2019; 7420/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	14.095	14.095	9.191	500	
55	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung tại xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4192/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	23.900	23.900	15.451	4.000	
56	Cải tạo, sửa chữa khu bảo tồn văn hóa người Dao Thanh Y, xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long	C	2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	2158/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	5.788	5.788	5.271	100	
57	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Thành ủy - HĐND - UBND, trung tâm tổ chức hội nghị và xây dựng Trụ sở liên cơ quan TP Hạ Long	C	2019 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1378/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	98.985	98.985	93.325	10.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
58	Đường đầu nối Quốc lộ 279 với Đường tỉnh 342 qua trung tâm xã Đồng Lâm, huyện Hoàn Bô	B	2019 - 2022	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4489/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	110.473	70.000	91.271	170	
59	Cải tạo, nâng cấp QL 279 đoạn từ Km 27+100 đến Km 30+300	B	2018-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4487/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	127.474	127.474	118.477	180	
60	Đường đầu nối đường tỉnh 326 với quốc lộ 279 đoạn qua cụm công nghiệp Hoàn Bô và trung tâm xã Thống Nhất	C	2019 - 2021	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4488/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	74.376	74.376	74.112	60	
61	Cải tạo, chỉnh trang đường Ba Lan (đoạn từ chợ Ba Lan đến công nhà máy đóng tàu Ba Lan)	C	2020 - 2023	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	9172/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	68.398	68.398	40.251	4.630	
62	Đầu nối hạ tầng giao thông kết hợp vườn hoa Trường THPT Bạch Đằng mới tại phường Cộng Hòa và xã Tiên An, thị xã Quảng Yên	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	318/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; 13757/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	67.091	67.091	44.047	7.500	
63	Cải tạo nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Hiệp Hòa thị xã Quảng Yên (đoạn từ nhà bưu điện văn hóa xã qua nhà thờ chính đi thôn 16 xã Hiệp Hòa)	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	14375/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	42000	42.000	5.036	3.000	
64	Nâng cấp tuyến đường Quỳnh Lâu, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	6271/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	53697	53.697	10.550	25.700	
65	Đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn I	B	2019-2022	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4472/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 , số 3877/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh	706.401	706.401	558.168	4.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
66	Khu tái định cư tại phường Hà An, thị xã Quảng Yên	C	2022-2024	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	ố 4893/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND thị xã Quảng Yên	45.956	45.956	38.221	140	
67	Khu tái định cư phục vụ cho các dự án trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	C	2020-2024	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3918/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, 2386/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND thị xã Quảng Yên	76.600	76.600	67.125	100	
68	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối với đường tránh phía Nam thành phố theo quy hoạch	B	2018-2024	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7018 ngày 31/10/2018, 4017 ngày 03/7/2019, 2906 ngày 08/5/2020, , 6718 ngày 06/11/2020,	250.000	250.000	223.996	500	
69	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân Lập, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	C	2021-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	390/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	23.500	23.500	14.851	400	
70	Khu tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sến tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	B	2019-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3896/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; 595/QĐ-UBND ngày 06/02/2013; 6918/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	84.187	84.187	34.308	1.500	
71	Lắp đặt biển chỉ dẫn và quảng bá khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử tại phường Phương Đông và xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	6463 ngày 18/12/2024	3570	3.570	3.010	350	
72	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	851 ngày 14/3/2023	9.000	9.000	6.568	1.000	
73	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đập tràn hồ công viên tại phường Quang Trung, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	6345/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	5.883	5.883	5.438	250	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
74	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	C	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7225/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	60.000	60.000	57.159	450	
75	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm phía Bắc trụ sở UBND phường Hưng Đạo	C	2022-2025	UBND phường Đông Triều	2729/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	23.400	23.400	19.997	2.300	
76	Đường vào trại giam Hang Sơn, xã Hồng Thái Đông	C	2024-2026	UBND phường Hoàng Quế	2660/QĐ-UBND ngày 18/09/2024	14.357	14.357	13.810	200	
77	Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Sông Khoai tại xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên	C	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND thị xã Quảng Yên	38.000	38.000	18.672	8.000	
78	Dự án Đường trục chính trung tâm khu đô thị Cái Rồng - Giai đoạn 2, Khu kinh tế Vân Đồn	B	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	4389/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; 4528/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 2697/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	594.384	594.384	530.012	1.000	
79	Xây dựng đường gom hai bên đường cao tốc, đoạn từ Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn đến nút giao Bình Dân, huyện Vân Đồn	B	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	4334/QĐ-UBND ngày 06/12/2021;	198.000	198.000	156.154	3.500	
80	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 342 đoạn thuộc địa phận huyện Ba Chẽ	B	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2789/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	815.981	815.981	627.122	1.000	
81	Dự án nâng cao năng lực cho Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh về công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR giai đoạn 2024-2027 (giai đoạn 1)	B	2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3483/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	78.300	78.300	70.500	1.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
82	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Quảng Phong	B	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	856/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	81.288	81.288	59.014	10.000	
83	Tuyến đường nối đường Vũng Đục, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn 01)	B	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	347/QĐ-UBND ngày 20/01/2022; 6401.1/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	432.262	432.262	317.269	1.000	
84	Chỉnh trang đường tỉnh 334 đoạn từ Km9+600 đến km13+600	B	2019-2020	UBND đặc khu Vân Đồn	4458/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	108.500	108.500	82.000	16.000	
85	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL18 đến nhà văn hóa khu Vĩnh Sơn, phường Mạo Khê	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	2603/QĐ-UBND ngày 30/08/2024	13.620	13.620	11.246	500	
86	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn Hồng Tiến - Khe Gia, xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	B	2024-2026	UBND xã Kỳ Thượng	7091/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	62.410	62.410	47.780	7.000	
87	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn Bắc Tập - Nà Lim, xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	B	2024-2026	UBND xã Kỳ Thượng	7585/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	43.470	43.470	37.127	5.400	
88	Đầu tư xây dựng cầu thay thế cầu treo Làng Lốc – Làng Dạ, xã Thanh Lâm bị sập do bão số 3	B	2025-2027	UBND xã Kỳ Thượng	1168/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	33.500	33.500	27.800	2.700	
89	Khu tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	B	2020-2025	UBND phường Uông Bí	Số 8877/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; Số 2787/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	269.763	269.763	82.731	9.000	Gia hạn thời gian bố trí vốn
90	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Diêm xen kẹp thôn Tân Thành, xã Bình Dương	B	2022-2025	UBND phường An Sinh	1869/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	70.800	70.800	62.879	6.000	
91	Cải tạo tuyến đường từ ngã 3 đường rẽ chùa Quỳnh đến Đền An Sinh phường Đức Chính và xã Việt Dân (Xã Tân Việt Cũ), thành Phố Đông Triều	B	2023-2025	UBND phường An Sinh	3822/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	68.010	68.010	49.584	3.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh			
92	Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên	B	2022-2025	UBND Phường Phong Cốc	4869/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	140.859	140.859	108.264	9.900	
93	Khu tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên	B	2022-2025	UBND Phường Phong Cốc	4870/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	78.992	78.992	67.077	1.500	



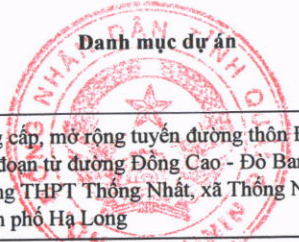
PHỤ BIỂU 03: PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2026
(Kèm theo nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng./.

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
	TỔNG								10.438.792	9.315.368	
I	Ngành, lĩnh vực: Giao thông					16.433.864	16.433.864	13.699.221	7.016.110	6.444.000	
1	Dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 327 đoạn từ đường trục chính thị xã Đông Triều đến ngã tư Nam Mẫu thành phố Uông Bí	B	2024-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2246/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	229.660	229.660	75.990	80.000	50.000	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 330, đoạn từ thị trấn Ba Chẽ đến đường tỉnh 342	B	2024-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2247/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	897.000	897.000	204.000	400.000	400.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường 342 đoạn thuộc địa bàn xã Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh	B	2023-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3779/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	415.000	415.000	93.503	100.000	100.000	
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338, đoạn từ nút giao đường dẫn cầu Bến Rừng đến quốc lộ 18	B	2023-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	1996/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	668.730	668.730	177.400	257.000	250.000	
5	Mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 với đường vào công viên phức hợp KKT Vân Đồn	B	2021-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	số 4462/QĐ-UBND ngày 02/12/2020; 2930/QĐ-UBND ngày 30/8/2021; 1085/QĐ-UBND ngày 10/4/2025; 3695/QĐ-UBND ngày 02/10/2025	2.144.778	2.144.778	1.695.999	150.000	150.000	Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án
6	Tuyến đường từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến Khu công nghiệp Bắc Tiên Phong (giai đoạn 1)	B	2023-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	1890/QĐ-UBND ngày 08/7/2023	251.612	251.612	90.802	70.000	50.000	
7	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên	B	2023-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2937/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	498.039	498.039	433.000	10.000	10.000	
8	Khu tái định cư thôn Đồng Châu tại xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên	B	2024-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3539/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tiên Yên	120.998	120.998	53.794	50.000	40.000	

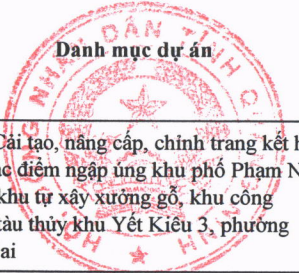
9

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
9	Tuyến đường nối đường Vũng Đục, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn 2)	B	2023-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	902/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 (H)	755.146	755.146	103.040	300.000	300.000	
10	Hạ tầng khu tái định cư tổ 4,5 khu 7B phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả	B	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2947/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	63.283	63.283	24.496	22.000	15.000	
11	Xây dựng mới cầu ngầm tràn đường 4B (cầu 17 nhịp cũ) phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	B	2025-2027	UBND phường Móng Cái 3	2017/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	12.837	12.837	3.900	7.000	3.000	
12	Đường nối từ đường chợ Rộc đến nút giao Phong Hải với tuyến đường ven sông (đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338), thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn 1	B	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3915/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	244.858	244.858	150.400	70.600	40.000	
13	Đường ven biển Tây Bắc vịnh Cửa Lục kết nối từ cầu Trời 2 qua cầu Tinh Yêu và đầu nối vào Quốc lộ 279 (Thành phần 1 và thành phần 2)	B	2025 - 2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3916/QĐ-UBND ngày 16/10/2025; số 4710/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	2.850.000	2.850.000	620.300	1.477.180	1.460.000	
14	Đường đi qua Khu công nghiệp Sông Khoai để hoàn thiện toàn tuyến đường kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến Đông Triều	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3912/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	1.238.937	1.238.937	400.000	1.000	1.000	
15	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3912/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	488.481	488.481	268.500	1.000	1.000	
16	Tuyến đường phía Tây các lô đất trụ sở cơ quan (ký hiệu HC-A3.1, HC-A3.2, HC-A3.3) thuộc tiểu khu A3, Quy hoạch phân khu 6, phường Hùng Thắng	B	2025 - 2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3917/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	30.628	30.628	14.400	5.600	3.000	
17	Khu dân cư tái định cư tại khu Thanh Sơn 6, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	B	2025 - 2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3910/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	25.300	25.300	10.050	7.600	7.000	
18	Đầu tư xây dựng đường QH11 Phương Đông, phường Yên Tử (đoạn từ đường Yên Trung đến đường Yên Tử)	B	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Số 389/QĐ-UBND ngày 09/06/2025	285.394	285.394	42.000	195.000	190.000	

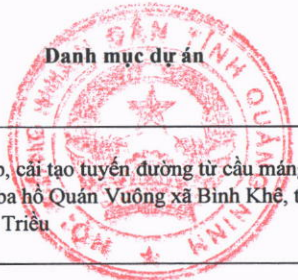
TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Đất Đỏ (đoạn từ đường Đồng Cao - Đò Bang đến trường THPT Thông Nhất, xã Thông Nhất, thành phố Hạ Long)	C	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4637/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	35.000	35.000	3.211	15.000	12.000	
20	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc – Vinacomin)	B	2023-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	2313/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	25.000	25.000	5.000	17.500	10.000	
21	Đường liên khu 3-4-5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	C	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	2425/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	14.185	14.185	3.000	4.700	4.000	
22	Khu tái định cư tại xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	B	2023-2027	UBND phường Hà An	6207/QĐ-UBND ngày 9/9/2022; 1102/QĐ-UBND ngày 09/12/2025	155.000	155.000	26.038	50.000		
23	Nâng cấp cầu dân sinh vào xóm Trại Thuyền, thôn Địa Sen, xã An Sinh	C	2024-2026	UBND phường An Sinh	3942/QĐ-UBND ngày 15/12/2024	7.162	7.162	6.091	150		
24	Sửa chữa đập suối vàng, xã Bình Dương; Hạng mục: nâng cấp, cải tạo thân đập	C	2024-2026	UBND phường An Sinh	3946/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	3.826	3.826	3.524	200		
25	Tuyến đường từ đường Nguyễn Văn Cừ vào khu dân cư tái định cư Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê	C	2025-2026	UBND phường Mạo Khê	4108/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	5.903	5.903	3.290	2.000	1.000	
26	Công viên vườn hoa cây xanh hai bên Quảng trường trung tâm thành phố Đông Triều tại phường Kim Sơn, phường Xuân Sơn	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	4838/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	22.353	22.353	11.570	6.500	3.000	
27	Cải tạo nâng cấp tuyến đường trục chính phường Thủy An (đoạn từ QL18 đến đường ven sông)	C	2025-2027	UBND phường Đông Triều	4788/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	6.847	6.847	5.350	1.100	1.000	
28	Đầu tư cây xanh vườn hoa phía nam trung tâm y tế thành phố	C	2025-2026	UBND phường Đông Triều	4400/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	8.679	8.679	7.340	900		
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Hà, phường Hà Tu và tuyến đường kết nối đến khu vực xây mới trường Vũ Văn Hiếu tại phường Hà Phong, thành phố Hạ Long	B	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Số 3446/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 02: Xây dựng)	65.000	65.000	7.500	25.000	20.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
30	Dự án cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố xung quanh hồ điều hoà Yết Kiêu, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2026	UBND phường Hồng Gai	Số 3447/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	19.888	19.888	5.000	14.500	10.000	
31	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ Quốc lộ 18A vào bến đò đi chùa Lô Âm, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.	B	2025-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Số 3448/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 02: Xây dựng)	82.000	82.000	8.100	20.000	20.000	
32	Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực II		1.558.480	1.558.480	216.000	1.000.000	1.000.000	
	Dự án thành phần 1: Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh				số 4280/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	380.000	380.000	112.000	200.000	200.000	
	Dự án thành phần 2: Cáo tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh				số 4214/QĐ-UBND ngày 07/11/2025	1.178.480	1.178.480	104.000	800.000	800.000	
33	Đầu tư xây dựng Cầu Sông Chanh trên đường tỉnh 338, tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II		878.900	878.900	57.000	645.000	445.000	
	Dự án thành phần 1: Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Xây dựng cầu Sông Chanh trên đường tỉnh 338, tỉnh Quảng Ninh				số 4277/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	79.900	79.900	20.200	45.000	45.000	
	Dự án thành phần 2: Xây dựng cầu Sông Chanh trên đường tỉnh 338, tỉnh Quảng Ninh				số 4278/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	799.000	799.000	36.800	600.000	400.000	
34	Dự án Đường bao biển kéo dài từ đường Trần Quốc Nghiễn (gần trụ P4 cầu Bãi Cháy) đi qua cầu Bình Minh đến Cầu Bang	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	số 4279/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	570.000	570.000	35.000	230.000	200.000	
35	Xây dựng kè bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 1315(2)-1316(2), mốc 1317(2)-1318(2), khu bãi 01 cửa khẩu Hoành Mô (theo quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh)	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	số 4284/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	165.000	165.000	21.000	100.000	100.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
36	Xây dựng kè bảo vệ bờ sông biên giới tại các khu vực cột Mốc 1344/1(2) huyện Hải Hà; khu vực cột Mốc 1349(2), khu vực cột Mốc 1360(2), khu vực cột Mốc 1367(2), khu vực cột Mốc 1370(1), Đập dâng đầu tuyến kè Mốc 1348(2) thành phố Móng Cái (theo Đề án 1740/ĐA-BNG-UBBG ngày 06/6/2019 của Bộ Ngoại Giao)	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	số 4287/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	250.000	250.000	43.000	200.000	200.000	
37	Xây dựng tuyến đường nối từ đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả với hạ tầng giao thông khu vực Cụm công nghiệp Cẩm Thịnh	B	2025-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	số 4307/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	49.000	49.000	11.500	20.000	15.000	
38	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 331B, đoạn từ Bến Giang đến trung tâm xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	B	2025-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II		117.000	117.000	20.000	60.000	60.000	
	Dự án thành phần 01: Bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 331B, đoạn từ Bến Giang đến trung tâm xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên				số 3534/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	50.000	50.000		30.000	30.000	
	Dự án thành phần 02: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 331B, đoạn từ Bến Giang đến trung tâm xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên				số 4308/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	67.000	67.000	20.000	30.000	30.000	
39	Tuyến kè chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ hồ chứa nước Cao Ván, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả	B	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3504/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	25.808	25.808	11.456	8.000	5.000	
40	Nâng cấp, mở rộng đường từ Nà Pá đi Tầm Làng, xã Quảng An, huyện Đầm Hà	C	2024-2026	UBND xã Quảng Tân	2685/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	65.000	65.000	57.879	7.000	5.000	
41	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng tuyến đường giáp khu đô thị Vừng Đâng và khu tái định cư cầu Bãi Cháy tại khu phố Yết Kiêu 3, phường Hồng Gai	C	2025-2026	UBND phường Hồng Gai	Số 3870/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	22.200	22.200	10.000	7.000	5.000	
42	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý ngập úng các tuyến phố thuộc khu Yết Kiêu 2, Yết Kiêu 3, Yết Kiêu 4, Trần Hưng Đạo 4, phường Hồng Gai năm 2025-2026	C	2025-2026	UBND phường Hồng Gai	Số 3871/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	59.900	59.900	30.000	15.000	13.000	

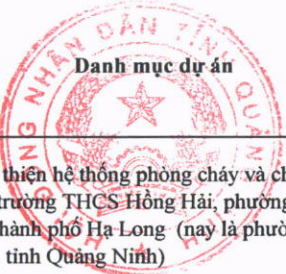
TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
43	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng khu phố Phạm Ngũ Lão và khu tự xây xưởng gỗ, khu công nghiệp tàu thủy khu Yết Kiêu 3, phường Hồng Gai	C	2025-2026	UBND phường Hồng Gai	Số 3860/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	39.500	39.500	24.000	10.000	6.000	
44	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông các tuyến phố thuộc khu Bãi Xít và Cột 3 trên địa bàn phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hạ Long	3858/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	46.900	46.900	24.000	15.000	15.000	
45	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường phía Tây Quốc lộ 18A, tuyến đường Tuyến Than và đường Núi Hạm tại phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hạ Long	3863/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	28.300	28.300	16.000	8.000	5.000	
46	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông các tuyến phố trên địa bàn phường Cao Xanh	C	2025 - 2026	UBND phường Cao Xanh	số 3846/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	60.400	60.400	36.000	20.000	20.000	
47	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng tuyến và đảm bảo an toàn giao thông tuyến đường ngang 1 và 2 tại tổ 12C và tuyến vào tổ 16 qua cổng Mầm Non Hoa Đào cơ sở 2, khu Hà Khánh 2, phường Cao Xanh	C	2025 - 2026	UBND phường Cao Xanh	số 3855/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	9.900	9.900	4.000	3.000	3.000	
48	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng, đảm bảo an toàn giao thông tuyến đường Bãi Muối và bổ sung điện chiếu sáng tuyến đường Trường Sơn, tại phường Hà Lâm và phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hà Lâm	số 3872/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	39.400	39.400	20.000	13.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
49	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng khu dân cư, đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường tại khu Hà Lâm 4 và các tuyến đường đầu nối từ đường tỉnh 336 đến tổ 6 khu Hà Lâm 2, tuyến đường vào Trung đoàn 213 tại khu Hà Trung 5 phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hà Lâm	số 3867/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	44.100	44.100	32.000	7.000	5.000	
50	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường khu dân cư Cao Thắng 1A và Cao Thắng 3, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hà Lâm	số 3862/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	33.000	33.000	20.000	8.000	5.000	
51	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng, ô nhiễm môi trường, khu vực tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 18A đến trụ sở phòng Cảnh sát cơ động, công an tỉnh tại phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hà Tu	số 3866/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	28.100	28.100	20.000	4.000	3.000	
52	Dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn đường Quốc lộ 18A (cũ) tại khu phố Hà Tu 3, Hà Phong 6A, phường Hà Tu	C	2025 - 2026	UBND phường Hà Tu	số 3857/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	13.679	13.679	9.000	1.000	1.000	
53	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường khu dân cư tổ 57, 58, 59 khu Hà Phong 6B, phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hà Tu	số 3878/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	45.400	45.400	25.000	15.000	15.000	
54	Dự án Xây dựng cầu thay thế tràn suối vào tại khu trới 7 và Trới 9, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hoành Bồ	số 3861/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	14.890	14.890	10.000	1.000	1.000	
55	Dự án Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết hợp xử lý các điểm ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông tuyến đường Cầu Cháy - Đồng Đạng (đoạn từ cầu Ba Tấn đến khu trung tâm xã Sơn Dương cũ), phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	C	2025 - 2026	UBND phường Hoành Bồ	số 3879/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	14.600	14.600	10.000	1.000	1.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
56	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu máng đến ngã ba hồ Quán Vuông xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	B	2024-2026	UBND phường Bình Khê	Số 1558/QĐ-UBND ngày 24/06/2024	124.400	124.400	100.400	10.000	10.000	
57	Hạ tầng đất tái định cư phục vụ dự án Doanh trại đóng quân của Trung đoàn BB2/Sư đoàn 395/Quân khu 3 tại thôn Trại Mới B, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	C	2024-2026	UBND phường Bình Khê	Số 1999/QĐ-UBND ngày 22/3/2025	19.374	19.374	7.653	4.500	4.000	
58	Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	B	2023-2026	UBND xã Hoành Mô	2658/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	240.000	240.000	213.309	20.000	20.000	
59	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Phắc Chè - Co Sen - Ngàn Cầm - Lòong Vải, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	B	2024-2026	UBND xã Hoành Mô	3252/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	100.785	100.785	67.100	7.000	7.000	
60	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lòong Vải - Cao Ly, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	B	2024-2026	UBND xã Hoành Mô	3251/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 (H)	71.839	71.839	51.270	6.000	6.000	
61	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Khu Chợ, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2026	UBND xã Hoành Mô	3221/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	2.200	2.200	1.804	180		
62	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Trung đoàn 155 đến Co Hón, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2026	UBND xã Hoành Mô	55/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	12.699	12.699	11.460	1.200	1.000	
63	Hoàn trả đất quốc phòng tại khu 7A, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả	B	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	1285/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	11.586	11.586	4.500	2.700	2.000	
64	Đầu tư mở rộng QL279, đoạn từ Km0+00 đến Km8+600	B	2022 - 2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3568/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 3975/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	1.842.720	1.842.720	1.093.870	350.000	350.000	
65	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều (Đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338) – giai đoạn I	A	2020-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4645/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4146/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	2.105.275	2.105.275	1.386.862	100.000	50.000	

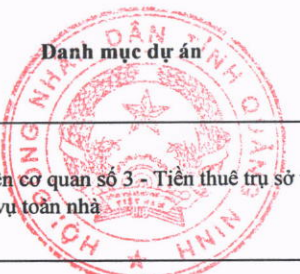
TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
66	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1) Tiểu dự án 2: Phần xây dựng	A	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	4335/QĐ-UBND ngày 6/12/2021; 3320/QĐ-UBND ngày 11/11/2022; 3510/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	7.841.304	6.014.709	3.604.083	500.000	500.000	
67	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 345	B	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3775/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	356.000	356.000	131.000	30.000	30.000	
68	Đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 327, đoạn từ nút giao công tỉnh đến đường trục chính trung tâm thị xã Đông Triều	B	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3776/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	580.686	580.686	239.097	50.000	50.000	
69	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại các lô đất nhà ở liên kế thuộc khu trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	C	2024-2025	UBND phường Hoàn Bồ	3101/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	38.989	38.989	27.833	5.000	5.000	
70	Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	B	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	634/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 3124/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	982.000	982.000	517.667	100.000	50.000	
71	Tuyến đường nối Quốc lộ 18A, phường Hồng Hải (đoạn đường Bùi Thị Xuân) với tỉnh lộ 336, phường Hà Lâm và quỹ đất xen kẹt hai bên đường	B	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	11709/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	598.686	598.686	387.713	50.000	50.000	
72	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL18C đến khu danh thắng ruộng bậc thang xã Lục Hồn	B	2022-2025	UBND xã Lục Hồn	750/QĐ-UBND, ngày 28/5/2024; 1248/QĐ-UBND ngày 30/7/2024; 4190/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	110.000	110.000	91.012	10.000	10.000	
73	Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia) thành phố Móng Cái	B	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	4402/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2101/QĐ-UBND ngày 23/6/2020; 4385/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; 534/QĐ-UBND ngày 19/02/2024; 1245/QĐ-UBND ngày 23/04/2025	521.000	521.000	443.163	10.000	10.000	
II	Ngành, lĩnh vực: Y tế					3.656.258	3.656.258	898.750	1.531.531	1.300.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
1	Đầu tư xây dựng mở rộng Bệnh viện Bãi Cháy	B	2024-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	7464/QĐ-UBND ngày 13/3//2025	210.000	210.000	61.300	80.000	50.000	
2	Dự án mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1901/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	1.540.000	1.540.000	247.000	416.531	400.000	
3	Đầu tư xây dựng Nhà khám chữa bệnh thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	B	2025 - 2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3855/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	1.239.958	1.239.958	470.100	600.000	550.000	
4	Dự án mở rộng Bệnh viện Sản Nhi giai đoạn II	B	2025-2028	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1684/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	666.300	666.300	120.350	435.000	300.000	
III	Ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					248.173	248.173	134.400	40.000	30.000	
1	Nâng cấp, mở rộng hồ chứa nước C22, xã Đồng Tiến, huyện Cô Tô	B	2022-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	số 4318/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 3582/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	126.256	126.256	52.341	30.000	20.000	gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án
2	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại các xã Dân Chủ, Quảng La, bằng Cả và Tân Dân, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3794/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 (TP)	91.600	91.600	64.700	5.000	5.000	
3	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung tại xã Đồng Sơn, thành phố Hạ Long	C	2024-2025	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4191/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 (TP)	30.317	30.317	17.359	5.000	5.000	
III	Ngành, lĩnh vực: Khoa học công nghệ					725.285	50.861	39.127	300		
1	Dự án hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, vốn vay WB tỉnh Quảng Ninh	B	2019-2026	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	1918/QĐ-UBND ngày 07/5/2019	725.285	50.861	39.127	300		Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án
IV	Ngành, lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo					947.177	947.177	297.744	347.120	289.000	
1	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Tiên Yên	B	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2958/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	158.900	158.900	80.800	65.000	60.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
2	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy và chữa cháy trường THCS Hồng Hải, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long (nay là phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)	B	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3673/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	3.242	3.242	1.400	650		
3	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy và chữa cháy trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long (nay là phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)	B	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	số 3670/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	4.094	4.094	2.520	550		
4	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Tân Dân, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	C	2024 - 2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3972/QĐ-UBND ngày 09/4/2024; 3585/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	13.570	13.570	4.745	3.000	3.000	
5	Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học & THCS Núi Mần, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long	C	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3968/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	7.179	7.179	6.000	1.100	1.000	
6	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường tiểu học Hồng Thái Tây	C	2024-2026	UBND phường Hoàng Quế	3266/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	9.405	9.405	8.755	680		
7	Trường Tiểu học Hoàng Quế	C	2024-2026	UBND phường Hoàng Quế	3230/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	20.722	20.722	14.020	5.600	3.000	
8	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Bình Dương	C	2024-2026	UBND phường An Sinh	3958/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	13.410	13.410	8.212	4.000	2.000	
9	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường TH và THCS Tân Việt	C	2024-2026	UBND phường An Sinh	3186/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	14.498	14.498	13.650	350		
10	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường Tiểu học Xuân Sơn	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	4837/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	13.170	13.170	5.880	6.000	5.000	
11	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường Mầm non Hoa Phượng	C	2024-2026	UBND phường Mạo Khê	4839/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	13.497	13.497	5.836	6.000	5.000	
12	Nhà hiệu bộ, bổ sung phòng học bộ môn trường THCS Trới, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	C	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Số 3301/QĐ-UBND ngày 22/8/2025	35.295	35.295	8.150	20.000	15.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
13	Dự án Xây mới trường THPT Bãi Cháy	B	2024-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1758/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	260.000	260.000	45.250	90.000	80.000	
14	Cải tạo, xây mới bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Quảng Phong, huyện Hải Hà	C	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	3042/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	34.554	34.554	7.856	15.000	10.000	
15	Đầu tư xây mới một số phòng học tập và khu phụ trợ một số trường học trên địa bàn Thành phố	B	2025-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	623/QĐ-UBND ngày 14/03/2023; 2462/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	158.339	158.339	45.396	70.000	50.000	
16	Xây dựng bổ sung phòng ở nội trú, sân thể dục thể thao Trường Tiểu học & THCS Kỳ Thượng, xã Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh	C	2025-2026	UBND xã Kỳ Thượng	3587/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	26.798	26.798	200	19.000	15.000	
17	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Hồng Phong	C	2024-2026	UBND phường Đông Triều	3952/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	14.467	14.467	4.073	190		
18	Xây mới Trường phổ thông trung học Vũ Văn Hiếu tại phường Hà Phong, thành phố Hạ Long	B	2024-2026	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	3414/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 (TP); 3536/QĐ-UBND ngày 19/9/2025	146.037	146.037	35.000	40.000	40.000	
V	Ngành, lĩnh vực: Thể dục thể thao					129.000	129.000	30.600	40.000	40.000	
1	Dự án sửa chữa, khắc phục công trình nhà thi đấu thể thao dưới nước thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	1246/QĐ - UBND ngày 24/4/2025	129.000	129.000	30.600	40.000	40.000	
VI	Ngành, lĩnh vực: Quốc phòng, an ninh					2.763.361	1.730.361	518.352	390.173	359.000	
1	Xây dựng chốt chiến đấu của dân quân thường trực biên giới đất liền, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới trong tình hình mới (giai đoạn 2)	B	2025-2027	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	427/QĐ-BQP ngày 06/02/2025	130.000	130.000	40.000	30.000	20.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 1)	B	2022-2026	Công an tỉnh Quảng Ninh	4122/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; 4243/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	241.280	241.280	197.597	4.500	4.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
3	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	B	2024-2026	Công an tỉnh Quảng Ninh	163/QĐ-UBND ngày 17/4/2024; 4585/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	319.980	319.980	203.308	12.000	10.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 3)	B	2024-2026	Công an tỉnh Quảng Ninh	999/QĐ-CAT-HC; ngày 18/6/2024	76.101	76.101	51.400	8.000	5.000	
5	Dự án xây dựng Trung tâm huấn luyện Quốc gia về phòng, chống khủng bố - giai đoạn 2	B	2025-2030	Bộ Công an	Quyết định số 9430/QĐ-BCA ngày 25/12/2024	1.686.000	681.000		200.673	200.000	
6	Khu trung tâm huấn luyện diễn tập cho lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ninh	B	2025-2027	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Số 833/QĐ-QK3 ngày 26/8/2025	75.000	67.000	10.000	50.000	50.000	
7	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục thiết yếu cảng Bắc Vân, xã Đồng Tiền, huyện Cô Tô	B	2025-2027	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	245/QĐ-BQP ngày 19/01/2025	200.000	180.000	10.000	60.000	50.000	
8	Xây dựng công trình quân sự trong CCCĐ huyện Tiên Yên, giai đoạn 1	B	2024-2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Số 96/QĐ-UBND-m ngày 10/12/2024 của UBND huyện Tiên Yên (cũ)	35.000	35.000	6.047	25.000	20.000	
VII	Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị			-	-	135.918	135.918	34.073	50.150	40.000	
1	Đầu tư xây dựng cảnh quan khu vực ngã ba Bình Lục Thượng, phường Hồng Phong	C	2024-2026	UBND phường Đồng Triều	3947/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	4.488	4.488	4.073	150		
2	Hạ tầng, cảnh quan xung quanh đền Vua Lê Thái Tổ, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long	B	2023 - 2027	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	4190/QĐ-UBND ngày 12/04/2024	131.430	131.430	30.000	50.000	40.000	
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			-	-	-	-	833.972	115.408	83.368	
1	Trụ sở làm việc các Ban Xây dựng Đảng, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh - Tiền thuê trụ sở và phí dịch vụ toàn nhà	B	Thuê nhà hàng năm	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	433/QĐ-UBND ngày 10/2/2015; 3185/QĐ-UBND ngày 30/9/2016			404.591	46.088	30.758	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
2	Trụ sở liên cơ quan số 3 - Tiền thuê trụ sở và phí dịch vụ toàn nhà	B	Thuê nhà hàng năm	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	2026/QĐ-UBND ngày 12/9/2014; 3183/QĐ-UBND ngày 30/9/2016; 543/QĐ-UBND ngày 19/02/2020			429.381	69.320	52.610	
IX	Lĩnh vực Văn hóa					44.435	44.435	7.000	34.000	25.000	
1	Xây dựng Làng Dân tộc Tày xã Lục Hồn, tỉnh Quảng Ninh, hạng mục :Các tuyến đường giao thông và phụ trợ khác	B	2025-2027	UBND xã Lục Hồn	Số 350/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 ; QĐ số 4190/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	21.785	21.785		19.000	15.000	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình tượng đài anh hùng LLVT nhân dân, liệt sĩ Vũ Văn Hiếu, Bí thư đặc khu ủy đầu tiên khu mỏ Quảng Ninh	C	2025-2026	UBND phường Hồng Gai	5250/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND thành phố Hạ Long; số 3976/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	22.650	22.650	7.000	15.000	10.000	
X	Hỗ trợ đặc khu Cô Tô, Vân Đồn					1.966.042	1.877.902	606.354	874.000	705.000	
1	Trường THCS Hạ Long, huyện Vân Đồn	B	2024-2027	Đặc khu Vân Đồn	số 5891/QĐ-UBND ngày 11/11/2022;627/QĐ-ĐA ngày 25/11/2024	168.155	164.100	74.100	79.000	70.000	
2	Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất trường Trung học cơ sở Đông Xá	C	2026-2027	Đặc khu Vân Đồn	Số 1458/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	68.000	65.000	17.000	45.000	30.000	
3	Đầu tư xây dựng đường gom dọc tuyến đường trục chính trung tâm Khu đô thị Cái Rồng		2025-2028	Đặc khu Vân Đồn	Số 2124/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	198.789	180.000	48.000	132.000	100.000	
4	Cầu bắc qua luồng Sông Mang, huyện Vân Đồn.	B	2025-2027	Đặc khu Vân Đồn	Số 1735/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	553.502	553.502	80.981	208.000	150.000	
5	Xây mới Chợ Cái Rồng, đặc khu Vân Đồn	C	2025-2028	Đặc khu Vân Đồn	Số 2541/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	147.000	146.500	38.000	85.000	80.000	
6	Khắc phục thiệt hại công trình đường vào thôn Yên Hải đặc khu Vân Đồn sau cơn bão số 3 năm 2025	C	2025-2027	Đặc khu Vân Đồn	Số 2564/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	31.300	31.100	9.000	18.000	15.000	

TT	 Danh mục dự án	Phân loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư dự án		Lũy kế vốn cấp đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
7	Cải tạo, chỉnh trang khu tái định cư Đoàn Kết	C	2025-2027	Đặc khu Vân Đồn	Số 2542/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	112.878	112.700	33.000	67.000	50.000	
8	Tuyến đường nội từ cầu Vân Đồn 3 đến Khu tái định cư xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn (Giai đoạn 2)	B	2025-2027	Đặc khu Vân Đồn	số 1955/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	393.419	350.000	276.273	50.000	30.000	
9	Dự án Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thị trung tâm đảo Cô Tô lớn, đặc khu Cô Tô	B	2025-2026	Đặc khu Cô Tô	số 448/QĐ-UBND ngày 10/10/2025	220.000	205.000	20.000	150.000	150.000	
10	Trung tâm văn hóa thể thao đặc khu Cô Tô	B	2025-2026	Đặc khu Cô Tô	số 448/QĐ-UBND ngày 10/10/2025	73.000	70.000	10.000	40.000	30.000	

th



**PHỤ BIỂU 04: NGÂN SÁCH CẤP TỈNH HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG
THEO TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM**

(Kèm theo Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	Xã, phường	Vốn hỗ trợ các địa phương theo tiêu chí chấm điểm năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
	TỔNG SỐ	4.000.000	2.000.000	
1	Đặc khu Cô Tô	69.990	35.000	
2	Đặc khu Vân Đồn	98.474	50.000	
3	Phường An Sinh	73.245	40.000	
4	Phường Đông Triều	79.756	41.000	
5	Phường Hoàng Quế	73.245	40.000	
6	Phường Mạo Khê	87.894	45.000	
7	Phường Bình Khê	78.128	40.000	
8	Phường Uông Bí	84.639	40.000	
9	Phường Vàng Danh	81.384	38.000	
10	Phường Yên Tử	81.384	40.000	
11	Phường Quảng Yên	73.245	35.000	
12	Phường Phong Cốc	73.245	35.000	
13	Phường Hiệp Hòa	73.245	35.000	
14	Phường Đông Mai	73.245	35.000	
15	Phường Hà An	73.245	35.000	
16	Phường Liên Hòa	73.245	35.000	
17	Phường Tuần Châu	68.362	35.000	
18	Phường Việt Hưng	81.384	37.000	
19	Phường Bãi Cháy	74.873	35.000	
20	Phường Hoàn Kiếm	78.942	40.000	
21	Xã Quảng La	64.293	30.000	
22	Xã Thống Nhất	66.735	35.000	
23	Phường Hồng Gai	81.384	40.000	
24	Phường Cao Xanh	68.362	35.000	
25	Phường Hạ Long	86.267	40.000	

TT	Xã, phường	Vốn hỗ trợ các địa phương theo tiêu chí chấm điểm năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
26	Phường Hà Lâm	78.128	35.000	
27	Phường Hà Tu	73.245	35.000	
28	Phường Cẩm Phả	84.639	40.000	
29	Phường Quang Hanh	86.267	45.000	
30	Phường Cửa Ông	91.150	45.000	
31	Phường Mông Dương	73.245	40.000	
32	Xã Hải Hoà	61.852	30.000	
33	Xã Ba Chẽ	73.245	40.000	
34	Xã Kỳ Thượng	66.734	32.000	
35	Xã Lương Minh	66.734	32.000	
36	Xã Tiên Yên	65.921	33.000	
37	Xã Diên Xá	66.735	32.000	
38	Xã Đông Ngũ	66.735	33.000	
39	Xã Hải Lạng	63.479	32.000	
40	Xã Bình Liêu	78.942	42.000	
41	Xã Lục Hồn	71.617	38.000	
42	Xã Hoành Mô	70.804	38.000	
43	Xã Đầm Hà	61.852	32.000	
44	Xã Quảng Tân	67.548	36.000	
45	Xã Quảng Hà	70.804	36.000	
46	Xã Đường Hoa	72.431	38.000	
47	Xã Quảng Đức	68.362	35.000	
48	Xã Cái Chiên	61.851	30.000	
49	Phường Móng Cái 1	87.894	47.000	
50	Phường Móng Cái 2	78.128	39.000	
51	Phường Móng Cái 3	83.011	42.000	
52	Xã Hải Ninh	61.851	30.000	
53	Xã Hải Sơn	66.734	35.000	
54	Xã Vĩnh Thục	61.851	32.000	

PHỤ BIỂU 05: PHÂN BỐ VỐN CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2026

(Kèm theo nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: tiền sử dụng đất	
	TỔNG SỐ					1.140.000	1.140.000	
I	Lĩnh vực giao thông: 03 dự án			1.491.481	1.491.481	950.000	950.000	
1	Đầu tư xây dựng nút giao kết nối Quốc lộ 18B với cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại xã Quảng Thành, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Quảng Đức, tỉnh Quảng Ninh)	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	Số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	520.000	520.000	450.000	450.000	
2	Xây mới bến cảng Con Quy, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	Số 2017/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	175.481	175.481	150.000	150.000	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả với Quốc lộ 279	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	Số 4691/QĐ-UBND ngày 09/12/2025	796.000	796.000	350.000	350.000	
II	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			140.894	140.894	90.000	90.000	
4	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tâm, xã Lục Hồn, tỉnh Quảng Ninh	UBND xã Lục Hồn	Số 432/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	75.630	75.630	70.000	70.000	
5	Xây mới trường mầm non Quang Hanh, điểm trường Km8, phường Quang Hanh	Ban QLDA ĐTXD khu vực II	Số 4733/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	65.264	65.264	20.000	20.000	
III	Lĩnh vực Y tế			333.363	333.363	100.000	100.000	
6	Cải tạo Bệnh viện Bãi Cháy để đầu tư hệ thống Cyclotron, PET/CT	Ban QLDA ĐTXD khu vực I	Số 4736/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	333.363	333.363	100.000	100.000	

KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NSTW NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 320 /NQ-HĐND ngày 16 /12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	909.941
1	Vốn nước ngoài	5.015
2	Vốn trong nước	904.926
-	Kinh phí thực hiện hoạt động của các Chi cục quản lý thị trường	31.811
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công mới cách mạng	570.822
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	69.700
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	6.056
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	25.030
-	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	201.507